TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HS-PT
Ngày: 07 – 12 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Châu Minh Nguyệt**

Ông **Bùi Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phái** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Nguyệt Hân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 122/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thành T do có kháng cáo của bị hại Hứa Việt H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Trương Thành T**, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1986 tại Bạc Liêu.

Nơi đăng ký thường trú: số $396^{A/1}$, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nơi ở hiện nay: số 147, Khóm 8, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Từ V và bà Huỳnh Thị L; có vợ và 01 con; nhân thân: vào ngày 28 tháng 12 năm 2012, bị Công an thành phố B phạt hành chính 750.000đ về hành vi vi phạm trật tự công cộng theo điểm a khoản

2 Điều 7 của Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ; tiền án, tiền sự: không. *(Có mặt)*

- *Bị hại kháng cáo*: ông **Hứa Việt H**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

Ngoài ra vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 16 tháng 11 năm 2022, trong lúc bị cáo và bị hại ngồi nhậu chung thì có người gọi điện thoại lại cho bị hại, trong lúc nói chuyện điện thoại bị hại nói đang nhậu với "T què", là gọi bị cáo nên bị cáo không đồng ý và cho rằng bị hại gọi vậy là mất dạy nên dẫn đến phát sinh mâu thuẫn.

Bị cáo bỏ đi uống rượu ở nơi khác và gọi điện cho bị hại tiếp tục cự cải. Từ đó, bị cáo về nhà trọ lấy 01 cây dao tự chế (rựa), lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 30 cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30 cm rồi điều khiển xe đến quán A Hưng tìm bị hại.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi bị cáo gặp bị hại, trong lúc nói chuyện qua lại thì bị cáo dùng dao rượt chém bị hại trúng vào phần trên của tay trái, bị hại bỏ chạy đồng thời dùng tay và cái ghế nhựa màu xanh để đở, bị cáo tiếp tục dùng dao chém gây thương tích ở tay phải của bị hại, thì được mọi người can ngăn.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, số 44/KLTTCT-TTPY, ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế Bạc Liêu, kết luận đối với thương tích của bị hại Hứa Việt H như sau:

- Một vết thương đã thành sẹo ở 1/3 giữa sau cẳng tay phải, tỷ lệ 02% (Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ phải qua trái).

- Mẻ 1/3 giữa xương trụ phải, tỷ lệ 02% (Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ phải qua trái).

- Đứt hoàn toàn cơ duỗi chung các ngón, cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi cổ tay quay bên phải đã khâu nối phục hồi, theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại Hứa Việt H là **04%.** Các thương tích theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ về thẩm mỹ, không quy định về cố tật.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống bổ sung số 05/TgT, ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế Bạc Liêu, kết luận thương tích đối với bị hại Hứa Việt H, như sau:

- Một sẹo lác da ở 1/3 trên ngoài cánh tay trái, tỷ lệ **03%** (Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải).

Kết luận khác: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người số 44 ngày 16 tháng 3 năm 2023 và tỷ lệ giám định bổ sung, là **07%**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thành T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thành T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trương Thành T bồi thường cho anh Hứa Việt H tổng số tiền là 22.118.847đ, nhưng được đối trừ với số tiền 4.000.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Buộc bị cáo Trương Thành T còn phải bồi thường số tiền 18.118.847đ cho bị hại Hứa Việt H. Anh Hứa Việt H được nhận số tiền 4.000.000đ mà bị cáo Trương Thành T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003032 ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 905.942 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 26 tháng 9 năm 2023 bị hại kháng cáo với các nội dung: tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo.

- Bị cáo yêu cầu giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cho nên không chấp nhận yêu cầu của bị hại tăng mức hình phạt đối với bị cáo; tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật, cụ thể áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt thấp nhất, mà không phải là áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: sau khi xét xử sơ thẩm bị hại cung cấp thêm biên nhận tiền xe đi Cần Thơ và đi về Bạc Liêu là 3.000.000đ nên có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, tăng mức bồi thường thêm số tiền 3.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại 7% là do bị cáo đã có hành vi dùng dao gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm

gây thương tích cho bị hại, phạm tội có tính chất côn đồ, với tỷ lệ 7% và bị hại có yêu cầu khởi tố nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định "*Người nào gây thương tích .....dưới 11%.....bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Bị cáo có hai tình tiết định tội gồm sử dụng hung khí nguy hiểm và phạm tội có tính chất côn đồ; trong đó phạm tội có tính chất côn đồ là thuộc trường hợp nghiêm trị khi xử lý đối với người phạm tội, theo điểm c khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự;

Trong các tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng gồm: tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; thì tình tiết tự nguyện bồi thường, bị cáo chỉ mới bồi thường 01 phần (4.000.000đ/22.119.000đ);

Ngoài ra, bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự công cộng.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết định tội đối với bị cáo. Đồng thời, không chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường:

Bị hại bị thương tích 7%, điều trị, tại cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các khoản bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo bồi thường cho bị hại với số tiền 22.118.847đ (làm tròn số là 22.119.000đ);

Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại cung cấp thêm biên nhận thuê xe từ Bạc Liêu đến Cần Thơ và về Bạc Liêu số tiền 3.000.000đ. Tại bản án sơ thẩm nhận định

chi phí thực tế bị hại đi điều trị nhưng anh không thể cung cấp được Tòa vé nên đã chấp nhận 10 tháng lương cơ sở với số tiền 18.000.000đ. Như vậy, cấp sơ thẩm đã tính luôn các chi phí không toa vé để buộc bị cáo bồi thường số tiền 22.119.000đ.

Bị hại bị thương tích là 7% và theo quy định thì số tiền tổn thất tinh thần để buộc bồi thường là 6.300.000đ, cộng thêm toa vé bị hại cung cấp sau khi xét xử sơ thẩm thì vẫn thấp hơn số tiền 18.000.000đ mà cấp sơ thẩm đã chấp nhận; do bị cáo không kháng cáo nên không xem xét và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi chấp nhận bồi thường nhưng không có giấy tờ chứng minh.

Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại và đề nghị của Kiểm sát viên về việc tăng mức bồi thường.

[4] Ngoài ra cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm các vấn đề gồm:

- Bị cáo có đủ điều kiện về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, nhưng khung hình phạt mà bị cáo phạm tội là khung nhẹ nhất nên cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là không đúng quy định.

- Bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng trong phần lý lịch không thể hiện và không nhận định trong bản án.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ sửa một phần bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;.

- Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Hứa Việt H**.

2. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Tuyên bố bị cáo **Trương Thành T** phạm tội "***Cố ý gây thương tích***".

4. Xử phạt bị cáo **Trương Thành T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

5. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Trương Thành T có trách nhiệm bồi thường cho ông Hứa Việt H tổng số tiền là 22.119.000đ (làm tròn số), trong đó:

- Ông Hứa Việt H được nhận số tiền 4.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo biên lai thu tiền số 0003032 ngày 25 tháng 8 năm 2023.

- Buộc bị cáo Trương Thành T có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho Ông Hứa Việt H là 18.119.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 906.000đ (làm tròn số).

7. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Giử nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tấn